

Bản án số: 498/2021/HC-PT

Ngày: 24-5-2021

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai
về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và
quyết định giải quyết khiếu nại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Bảo Nguyên

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Hữu Thơ
2. Ông Lê Nam Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thái Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Ái- Kiểm sát viên

Trong các ngày 12 tháng 4, ngày 27 tháng 4 và ngày 24 tháng 5 năm 2021,
tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm
công khai vụ án hành chính thụ lý số: 53/2020/TLPT-HC ngày 28 tháng 12 năm
2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về
bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định giải quyết khiếu nại”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2020/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm
2020 của Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh bị Ủy ban nhân dân
Quận C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận C là người bị kiện kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 730/2021/QĐ-PT
ngày 26 tháng 02 năm 2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 3725/2021/QĐ-
PT ngày 12 tháng 4 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số
4437/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trịnh Ngọc H.

Địa chỉ: 01, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

- Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Đơn vị kế thừa
quyền, nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ: 168, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Ông Hoàng Văn H – Phó trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T.

- Ông Huỳnh Vũ L – Trưởng phòng Nghiệp vụ 3- Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T.

- Ông Nguyễn Gia H– Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thành phố T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Không Thị P.

Địa chỉ: 535 phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty cổ phần X.

Địa chỉ: 360 phường K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần X:

Bà Huỳnh Thị Cẩm T – Nhân viên phòng Pháp chế Thanh tra.

Ông Trương Quốc B– Trưởng phòng kế toán – Ban Quản lý dự án.

(Giấy ủy quyền số: 671/UQ-HT1 ngày 22/3/2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 15/01/2014, Đơn khởi kiện bổ sung ghi ngày 01/4/2015 và các lời khai tại Tòa án, người khởi kiện ông Trịnh Ngọc H trình bày:

Phần đất mặt tiền đường 990 thuộc một phần thửa 62, tờ bản đồ 22, phường P, Quận C của hộ ông H bị thu hồi đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCN) số 00999 QSDĐ/PH ngày 21/8/1999, sổ vào sổ H00389/26866 ngày 10/8/2005, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số AĐ 581392 do Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) Quận C cấp ngày 15/5/2006.

Ngày 04/01/2012, UBND Quận C ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND “Về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ ông Trịnh Ngọc H, địa chỉ: 1 đường 990, ấp 1 Tân Điền B, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh trong dự án đầu tư xây dựng đường nối từ đường Nguyễn Duy Trinh vào khu công nghiệp Phú Hữu, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh” (viết tắt Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 04/01/2012). Ông H không đồng ý nên ngày 01/02/2012, ông H khiếu nại Quyết định số 01/QĐ-UBND của UBND Quận C.

Ngày 21/01/2013, UBND Quận C ban hành Quyết định số 20/QĐ-UBND “Về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 của Ủy ban nhân dân Quận C” (viết tắt là Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 21/01/2013), ông H nhận ngày 04/2/2013, Quyết định có nội dung điều chỉnh số tiền từ 1.358.938.000 đồng lên 1.594.672.000 đồng, lý do bổ sung tiền bồi thường 147m² đất đường đi và bồi thường hỗ trợ vật kiến trúc tăng thêm 191.634.000 đồng. Ông H không đồng ý nên ngày 19/02/2013, ông H khiếu nại Quyết định số 20/QĐ-UBND của UBND Quận C.

Ngày 11/12/2013, Chủ tịch UBND Quận C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 277/QĐ-UBND “Về việc giải quyết khiếu nại của ông Trịnh Ngọc H”. Ông H nhận Quyết định ngày 31/12/2013, Quyết định số 277/QĐ-UBND chỉ hỗ trợ thêm thiệt hại về cá nuôi là 12.528.000 đồng.

Ông Trịnh Ngọc H không đồng ý, khởi kiện vụ án hành chính vì lý do:

- Phần bồi thường, hỗ trợ đối với đất nông nghiệp chưa thỏa đáng vi phạm Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009, vi phạm khoản 1 Điều 22 Quyết định số 35/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh vì: Phần đất của ông H bị thu hồi có tường rào xây bao bọc giữa có căn nhà là phần đất mặt tiền đường 990. Trích phần ở Phương án bồi thường khoản 1 mục II Phần V như sau: *“Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng không được công nhận là đất ở; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở riêng lẻ; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở dọc kênh mương và dọc tuyến đường giao thông thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm còn được hỗ trợ bằng 40% giá đất ở của thửa đất đó theo giá đất ở để tính bồi thường do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; diện tích được hỗ trợ là diện tích đang sử dụng thực tế nhưng không quá năm (05) lần hạn mức giao đất ở theo quy định”*.

Và trích quy định điểm 1.3 khoản 1 mục V Phần III của Phương án bồi thường:

STT	Tên đường – vị trí	Cách tính	Đơn giá đất để tính bồi thường và hỗ trợ (làm tròn)
3	Mặt tiền đường 990	$375.000\text{đ}/\text{m}^2 + 40\% \times 6.783.000$	3.088.000

- Tại thời điểm thu hồi đất áp dụng theo Tài liệu 2003 nhưng khi UBND Quận C ban hành Quyết định công bố giá trị bồi thường cho ông H lại căn cứ tại liệu 02/CT- UB là không phù hợp.

- Bồi thường về phần tài sản là vật kiến trúc và bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đầu tư cá nuôi; hỗ trợ tiền di dời đối với trụ điện, đồng hồ điện, đồng hồ nước không đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, ông H tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với việc bồi thường, hỗ trợ nêu trên.

Về diện tích đất bị thu hồi và công trình kiến trúc, cây trồng, tài sản khác trên đất của hộ ông H thì ông H thống nhất về số lượng, ông H chỉ không đồng ý về giá bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất bị thu hồi.

Nay ông H xác định yêu cầu: Hủy phần bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 1.191m² (gồm: 1.044m² đất ao và 147m² đất đường đi) có vị trí mặt tiền đường 990, phường P, Quận C thuộc một phần thửa 62 tờ bản đồ 22 (theo Tài liệu năm 2003) tại các Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 04/01/2012, Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 21/01/2013 và Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 11/12/2013.

Do UBND Quận C bồi thường, hỗ trợ không đúng. Việc bồi thường, hỗ trợ vẫn chưa được giải quyết, vì vậy UBND Quận C bồi thường chậm nên yêu cầu Ủy ban nhân dân Quận C bồi thường, hỗ trợ theo giá đất tại thời điểm bồi thường.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Ngày 10/3/2010, UBND Quận C ban hành Quyết định số: 153/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Trịnh Ngọc H. Ngày 27/10/2011, UBND Quận C ban hành Quyết định số 1421/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 153/QĐ-UBND. Ngày 13/11/2012, UBND Quận C ban hành quyết định số 422/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 1421/QĐ-UBND, xác định phần đất bị thu hồi của ông Trịnh Ngọc H là 1.191m² thuộc một phần thửa 115, 116 (tài liệu 02) theo hiện trạng thuộc một phần thửa 62, tờ bản đồ 22 (theo Tài liệu 2003).

Căn cứ theo GCN cấp cho hộ ông H thì phần đất bị thu hồi nằm trong 02 GCN. GCN cấp ngày 21/8/1999 thuộc 02 thửa 114, 115 tờ bản đồ 07, mục đích sử dụng đất lúa; GCN cấp ngày 10/8/2005 thuộc thửa 116, tờ bản đồ số 07, mục đích sử dụng là đất lúa. Như vậy, phần đất bị thu hồi của ông H nằm trong 02 thửa đất khác nhau.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân Quận C cấp ngày 17/5/2006, đối với diện tích 332,45m² thuộc một phần thửa 62 tờ bản đồ 22. Phần diện tích này không bị thu hồi.

Ngày 12/5/2010, Tổ công tác đã tiến hành kiểm kê hiện trạng đất đai, tài sản hoa màu gắn liền với đất của hộ ông H.

Ngày 04/01/2012, UBND Quận C ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND về việc công bố giá trị bồi thường hỗ trợ của hộ ông H với tổng số tiền là 1.358.938.000 đồng. Trong đó, bồi thường 1.044m² đất trồng cây hàng năm mặt tiền đường 990 với đơn giá 300.000 đồng/m², hỗ trợ 1000m² đất trong lộ giới hành chính với đơn giá 562.500 đồng/m²; nhà, vật kiến trúc và cây trồng.

Ngày 21/01/2013, UBND Quận C ban hành Quyết định số 20/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 của

UBND Quận C trong đó bổ sung tiền bồi thường 147m² đất đường và bồi thường hỗ trợ vật kiến trúc.

Ngày 11/12/2013, Chủ tịch UBND Quận C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 277/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông H, bổ sung giá trị hỗ trợ thiệt hại cá nuôi với số tiền 12.258.000 đồng.

Việc ông H yêu cầu bồi thường, hỗ trợ đất xen cài trong khu dân cư cùng thửa đất có nhà ở, giá bồi thường, vật kiến trúc là không có cơ sở.

Đối với việc ông H yêu cầu bồi thường chậm là không có cơ sở. Vào năm 2012, sau khi ban hành Quyết định công bố giá trị bồi thường cho hộ ông H, do ông H không đồng ý nhận tiền bồi thường nên UBND Quận C đã gửi tiền vào ngân hàng.

Vì vậy UBND Quận C giữ nguyên các Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 04/01/2012; Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 21/01/2013. Chủ tịch UBND Quận C giữ nguyên Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 11/12/2013 về việc giải quyết khiếu nại của người khởi kiện. UBND Quận C căn cứ vào GCN cấp cho ông H để công bố giá trị bồi thường cho hộ ông H.

Ông Nguyễn Ngọc C – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận C là đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Quận C (Văn bản ủy quyền số: 2809/UBND ngày 17/8/2020) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận C (Văn bản ủy quyền số: 2811/UBND ngày 17/8/2020) trình bày tại 02 Đơn xin xét xử vắng mặt ghi ngày 14 tháng 9 năm 2020 như sau:

Vẫn giữ nguyên ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trước đây đã trình bày và không có ý kiến gì khác. Vì lý do bận công tác nên ông Nguyễn Ngọc C yêu cầu giải quyết vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Do đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt, nên không có ý kiến đối với việc người khởi kiện tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện như trình bày tại phiên tòa sơ thẩm.

Ông Huỳnh Vũ L – Trưởng phòng Nghiệp vụ 1 – Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng Quận C là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận C và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận C có ý kiến trình bày:

Thông nhất với trình bày của đại diện theo ủy quyền của người bị kiện. Căn cứ để bồi thường, hỗ trợ đối với việc thu hồi đất của hộ ông H là căn cứ vào biên bản kiểm kê hiện trạng, pháp lý về quyền sử dụng đất, xét nguồn gốc đất theo Tài liệu 02, Tài liệu 299/TTg và Tài liệu 2003. Việc ông H yêu cầu bồi thường theo giá đất trồng cây lâu năm và hỗ trợ đất xen cài trong khu dân cư cùng thửa đất có nhà ở là không có cơ sở. UBND Quận C căn cứ vào GCN cấp cho hộ ông H để công bố giá trị bồi thường cho hộ ông H.

Trường hợp hộ ông H áp dụng theo quy định tại khoản 2 mục II Phần V Phương án số 77/PABT-HĐBT ngày 25/5/2011:

“Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, trong khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn; thửa đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới phường, ranh giới khu dân cư thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp còn được hỗ trợ bằng 50% giá đất ở trung bình của khu vực có đất thu hồi theo quy định trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân thành phố quy định và công bố hàng năm; diện tích được hỗ trợ là diện tích đang sử dụng thực tế nhưng không quá năm (05) lần hạn mức giao đất ở theo quy định.

Đơn giá để tính bồi thường, hỗ trợ: được quy định tại điểm 1.4 khoản 1 mục V Phần III của Phương án này”.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc hủy các Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 04/01/2012, Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 21/01/2013 và Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 11/12/2013.

Ngoài ra, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện không có ý kiến gì đối với việc người khởi kiện tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần X do người đại diện theo ủy quyền thống nhất ý kiến trình bày như sau:

Công ty cổ phần X là Chủ đầu tư Dự án xây dựng đường nối từ đường Nguyễn Duy Trinh vào Khu công nghiệp Phú Hữu, Quận C. Trong quá trình thực hiện, mặt bằng đã chậm bàn giao để thi công và việc chậm bàn giao này gây thiệt hại rất lớn cho Công ty cổ phần X. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân Quận C căn cứ hồ sơ pháp lý về nguồn gốc sử dụng đất và giá trị tài sản trên đất của hộ ông Trịnh Ngọc H xét xử để làm cơ sở cho công tác đền bù và thực hiện Dự án nêu trên, Công ty cổ phần X không có ý kiến.

Về việc thỏa thuận tạm ứng chi trả chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng cho hộ ông Trịnh Ngọc H để bàn giao mặt bằng thi công trong Dự án xây dựng đường nối từ đường Nguyễn Duy Trinh vào Khu công nghiệp Phú Hữu, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Văn bản thỏa thuận ngày 11/8/2015 tại Phòng công chứng Đ, Thành phố Hồ Chí Minh là việc thỏa thuận riêng giữa Công ty cổ phần X và hộ ông Trịnh Ngọc H nên không yêu cầu Tòa án nhân dân Quận C giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì đối với việc người khởi kiện tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Khổng Thị P trình bày ý kiến tại Bản tự khai ngày 27 tháng 5 năm 2015 như sau:

Bà P thống nhất với yêu cầu khởi kiện và ý kiến của chồng bà P là ông H. Bà P không có ý kiến hay yêu cầu gì khác và không có tài liệu gì khác để cung cấp cho Tòa. Ngày 27/5/2020, bà P có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử:

“1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Ngọc H về việc hủy phần bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 1.191m² (gồm: 1.044m² đất ao và 147m² đất đường đi) có vị trí mặt tiền đường 990, phường P, Quận C thuộc một phần thửa 62 tờ bản đồ 22 (theo Tài liệu năm 2003) tại các quyết định số: 01/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 của Ủy ban nhân dân Quận C về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, số 20/QĐ-UBND ngày 21/01/2013 của Ủy ban nhân dân Quận C về việc điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 01/QĐ-UBND, quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 11/12/2013 về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận C; Buộc Ủy ban nhân dân Quận C phải bồi thường, hỗ trợ lại về giá đối với phần đất bị thu hồi nêu trên cho hộ ông Trịnh Ngọc H theo đúng quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Ngọc H về bồi thường phần tài sản là vật kiến trúc, bồi thường theo giá thị trường và hỗ trợ thiệt hại đầu tư cá nuôi, hỗ trợ tiền di dời đối với trụ điện, đồng hồ điện, đồng hồ nước.”

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/10/2020, người bị kiện: UBND Quận C và Chủ tịch UBND Quận C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh với những nội dung yêu cầu sửa án sơ thẩm, xử bác đơn khởi kiện của ông Trịnh Ngọc H.

Tại phiên tòa phúc thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo:

-Đề nghị sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông H.

-Ngoài khoản tiền bồi thường hỗ trợ cho ông H theo các quy định, công ty X còn hỗ trợ thêm cho ông H một khoản tiền là 504.000.000 đồng theo công văn số 739/HT1-QLDA ngày 23/5/2011 “V/v: Thống nhất mức hỗ trợ thêm để bồi thường đối với đất nông nghiệp trong dự án đầu tư xây dựng đường nối từ đường Nguyễn Duy Trinh vào khu CN Phú Hữu, Quận C”, số tiền này đã được gửi vào ngân hàng, ông H được nhận các khoản tiền nói trên và tiền lãi khi có yêu cầu.

Khi giải quyết bồi thường về đất, UBND Quận C đã yêu cầu UBND phường P thông báo cho người dân có đất bị thu hồi biết về công văn số 739/HT1-QLDA ngày 23/5/2011 của công ty X, còn UBND phường có thực hiện không thì UBND Quận C khi đó không biết.

-UBND thành phố T cung cấp thêm hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ ông H, cụ thể hộ ông H được chuyển nhượng thửa 114, 115 tờ bản đồ

số 7, tài liệu 02 vào năm 1998, thửa 112, 113, 116, tờ bản đồ số 7, tài liệu 02 vào năm 2005.

Ông H và bà P có ý kiến:

-Đề nghị xử lý án sơ thẩm, bác kháng cáo.

-Quá trình UBND Quận C bồi thường, hỗ trợ không thông báo cho người dân biết là công ty X có hỗ trợ thêm về đất, nếu biết có tiền hỗ trợ thì người dân đã không mất công sức nhiều năm đi kiện.

Đại diện hợp pháp của công ty X là bà T và ông B có ý kiến:

-Giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

-Về khoản tiền hỗ trợ nêu tại công văn số 739/HT1-QLDA ngày 23/5/2011 “V/v: Thống nhất mức hỗ trợ thêm để bồi thường đối với đất nông nghiệp trong dự án đầu tư xây dựng đường nối từ đường Nguyễn Duy Trinh vào khu CN Phú Hữu, Quận C”, công ty đã giao đủ cho UBND Quận C từ khi bắt đầu thực hiện việc bồi thường, UBND Quận C có trách nhiệm thực hiện đúng theo pháp luật.

Không đương sự nào cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc ban hành, tổng đạt thông báo thụ lý phúc thẩm, Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, việc tuân theo pháp luật của đương sự, Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong giai đoạn phúc thẩm thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử y án sơ thẩm, bác kháng cáo của UBND thành phố T và Chủ tịch UBND thành phố T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến tranh luận của các đương sự; nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Người bị kiện nộp đơn kháng cáo trong hạn luật định, nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn qui định tại Điều 206 và Điều 209 Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp lệ và được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2]. Quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng.

[1.3]. Về thay đổi chủ thể tham gia tố tụng.

Sau khi Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ án theo Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 30/9/2020, bản án bị UBND Quận C và Chủ tịch UBND Quận C kháng cáo.

Ngày 09/12/2020 Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 “Về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố T thuộc Thành phố Hồ Chí Minh” (có hiệu lực ngày 01/01/2021) hợp nhất dân số và diện tích các Quận H, Quận C và quận T thành thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, UBND thành phố T, Chủ tịch UBND thành phố T kế thừa và thực hiện quyền, nghĩa vụ của UBND Quận C, Chủ tịch UBND Quận C. Vì vậy, người bị kiện trong vụ án được thay đổi là UBND thành phố T và Chủ tịch UBND thành phố T.

Đồng thời, Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 cũng giải thể Tòa án nhân dân Quận H, Tòa án nhân dân Quận C và Tòa án nhân dân quận T, thành lập Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân Quận H, Quận C và quận T theo quy định của pháp luật.

[1.4]. Về sự có mặt của đương sự.

Người kháng cáo có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào quy định tại Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo.

Yêu cầu sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[3]. Xét kháng cáo của đương sự.

[3.1]. Diễn biến quá trình thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

Phần đất mặt tiền đường 990 thuộc một phần thửa 62, tờ bản đồ 22, phường P, Quận C của hộ ông H bị thu hồi đã được cấp GCN số 00999 QSDĐ/PH ngày 21/8/1999 và GCN số vào sổ H00389/26866 ngày 10/8/2005.

Đến ngày 17/5/2006 UBND Quận C cấp GCN số AD 581392 đối với diện tích 332,45m² (thửa 62-1) đất ở thuộc một phần thửa 62 tờ bản đồ 22 (tài liệu 2003). Thửa đất này nằm ngoài ranh thu hồi đất theo quyết định thu hồi đất nói trên.

-Ngày 10/3/2010, UBND Quận C ban hành Quyết định số: 153/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ ông Trịnh Ngọc H, đến ngày 27/10/2011, UBND Quận C ban hành Quyết định số 1421/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 153/QĐ-UBND. Ngày 13/11/2012, UBND Quận C ban hành tiếp Quyết định số 422/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 1421/QĐ-UBND, xác định phần đất bị thu hồi của ông Trịnh Ngọc H diện tích 1.191m² (gồm: 1.044m² đất ao và 147m² đất đường đi) có vị trí mặt tiền đường 990, phường P, Quận C, thuộc một phần thửa 115 và 116, tờ bản đồ 07 (tương ứng một phần thửa 62 tờ bản đồ 22 ,theo Tài liệu năm 2003), phường P, Quận C,

mục đích sử dụng đất lúa, thuộc GCN số 00999 QSDĐ/PH 21/8/1999 (gồm thửa 114 và 115, tài liệu 02) và GCN số H00389/26866 10/8/2005 (thửa 116, tài liệu 02).

Ngày 04/01/2012, UBND Quận C ban hành Quyết định số 01/QĐ-UBND công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ của hộ ông H với tổng số tiền là 1.358.938.000 đồng. Trong đó, bồi thường 1.044m² đất trồng cây hàng năm mặt tiền đường 990, phường P, với đơn giá 300.000 đồng/m², hỗ trợ 1000m² đất nông nghiệp trong lộ giới hành chính với đơn giá 562.500 đồng/m²; vật kiến trúc khác: 441.344.000 đồng và cây trồng: 41.894.000 đồng.

Ngày 21/01/2013, UBND Quận C ban hành Quyết định số 20/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 của UBND Quận C trong đó bổ sung tiền bồi thường 147m² đất đường, đơn giá: 300.000 đồng/m² (thành tiền là 44.100.000 đồng) và bồi thường hỗ trợ vật kiến trúc khác: 191.634.000 đồng.

Ông H khiếu nại các quyết định bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 11/12/2013, Chủ tịch UBND Quận C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 277/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông H, bổ sung giá trị hỗ trợ thiệt hại cá nuôi với số tiền 12.258.000 đồng. Bác khiếu nại yêu cầu hỗ trợ đất xen cài khu dân cư trong cùng thửa đất có nhà ở.

[3.2]. Xét yêu cầu khởi kiện, cơ sở khởi kiện và các lập luận của ông H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.2.1]. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ông H xác nhận việc đào ao nuôi cá trên các thửa 114, 115 và 116 của ông đã thực hiện trước năm 1999 (thủ tục chuyển nhượng làm sau), tuy nhiên khi xin cấp GCN vào năm 1999 và 2005 UBND Quận C đều xác định loại đất của ông đang sử dụng trên GCN là đất trồng lúa, ông H không khiếu nại về việc xác định mục đích sử dụng đất này trên GCN mà tiếp tục sử dụng đất cho đến khi bị thu hồi đất.

Theo ông H, ông đã được UBND Quận C cấp GCN số AD 581392 ngày 17/5/2006 cho diện tích 332,45m² đất ở, thửa 62-1 (phân chiết từ thửa 62), tài liệu 2003) và tại thời điểm thu hồi thì phần đất 1191 m² đất lại thuộc thửa 62, tờ bản đồ 22, tài liệu 2003 và là đất ao nên phần đất bị thu hồi là đất vườn, ao cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư thuộc trường hợp phải áp dụng quy định tại khoản 1 mục II Phần V Phương án 77/PABT-HĐBT ngày 25/5/2011, cụ thể: *“Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng không được công nhận là đất ở; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở riêng lẻ; ... thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm còn được hỗ trợ bằng 40% giá đất ở của thửa đất đó theo giá đất ở để tính bồi thường do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; diện tích được hỗ trợ là diện tích đang sử dụng thực tế nhưng không quá năm (05) lần hạn mức giao đất ở theo quy định”*

Hội đồng xét xử nhận thấy:

-Ngày 13/11/2012, UBND Quận C ban hành Quyết định số 422/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 1421/QĐ-UBND, xác định phần đất bị thu hồi của ông Trịnh Ngọc H diện tích 1.191m² (gồm: 1.044m² đất ao và 147m² đất đường đi) có vị trí mặt tiền đường 990, phường P, Quận C thuộc một phần thửa 115 và 116, tờ bản đồ 07 (tương ứng một phần thửa 62 tờ bản đồ 22, tài liệu năm 2003), phường P, Quận C, mục đích sử dụng đất lúa, thuộc 02 GCN: GCN số 00999 QSDĐ/PH 21/8/1999 (gồm thửa 114 và 115, tài liệu 02) và GCN số H00389/26866 10/8/2005 (thửa 116, tài liệu 02). Ông H không khiếu nại hay khởi kiện các quyết định thu hồi đất.

Tại khoản 13 Điều 4 Luật Đất đai 2003 quy định: “*Bản đồ địa chính là bản đồ thể hiện các thửa đất và các yếu tố địa lý có liên quan, lập theo đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận.*” và tại điểm c khoản 1 Điều 7 (Xác định thửa đất) Nghị định 181/NĐ-CP “Về thi hành luật đất đai” ngày 29/10/2004 của Chính phủ quy định: “1. *Thửa đất mà trên đó có một mục đích sử dụng đất được xác định trong các trường hợp sau:*

c) Thửa đất có ranh giới được xác định khi hợp nhiều thửa đất thành một thửa đất (gọi là hợp thửa) hoặc tách một thửa đất thành nhiều thửa đất (gọi là tách thửa) do yêu cầu của quản lý hoặc yêu cầu của người sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.”

Như vậy, Bản đồ địa chính năm 2003 gộp các thửa 114, 115 và 116 tờ bản đồ số 7, tài liệu 02 thành thửa 62, tờ bản đồ số 22, tài liệu 2003 không làm thay đổi mục đích sử dụng đất đã được Nhà nước xác định trên các GCN đã cấp cho hộ ông H. Do vậy, việc Quyết định thu hồi đất ghi số thửa đất theo tài liệu 02 hay theo tài liệu 2003 không phải căn cứ làm thay đổi mục đích sử dụng thửa đất.

Mặt khác, khoản 1 Điều 6 (Phân loại đất) Nghị định 181/NĐ-CP “Về thi hành luật đất đai” ngày 29/10/2004 của Chính phủ cũng quy định: -

“1. *Loại đất, mục đích sử dụng đất của mỗi thửa đất được xác định theo một trong các căn cứ sau:*

b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho người đang sử dụng đất được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất;

Đối chiếu với tài liệu chứng cứ cấp sơ thẩm đã thu thập và tài liệu chứng cứ mới thu thập tại phiên tòa phúc thẩm với các quy định của pháp luật nêu trên, có cơ sở xác định phần diện tích đất bị thu hồi thuộc một phần thửa đất 115 (GCN số 00999 QSDĐ/PH) và thửa 116 (GCN số vào sổ H00389/26866) tờ bản đồ số 7, tài liệu 02 (tương ứng một phần thửa 62, tờ bản đồ số 22, tài liệu 2003), là đất lúa, không cùng thửa với nhà hiện hữu của ông H được xây dựng trên thửa 62-1, tờ bản đồ 22, tài liệu 2003 (GCN số AD 581392).

-Ngoài ra, việc chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất ao (đất nuôi trồng thủy sản) của ông H cũng không đúng quy định tại Điều 36 Luật

Đất đai năm 2003, vi phạm khoản 1 Điều 107 (Nghĩa vụ của người sử dụng đất) Luật Đất đai năm 2003.

Như vậy, UBND Quận C đã xác định loại đất được đền bù, hỗ trợ cho ông H là đất nông nghiệp, mặt tiền đường 990, mục đích sử dụng: Đất trồng lúa là đúng pháp luật. Yêu cầu áp dụng khoản 1 mục II Phần V Phương án để bồi thường, hỗ trợ của ông H là không có cơ sở.

[3.2.2]. UBND Quận C đã áp dụng khoản 2 mục II Phần V Phương án số 77/PABT-HĐBT ngày 25/5/2011: *“Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, trong khu dân cư thuộc thị trấn, khu dân cư nông thôn; thửa đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới phường, ranh giới khu dân cư thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp còn được hỗ trợ bằng 50% giá đất ở trung bình của khu vực có đất thu hồi theo quy định trong Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân thành phố quy định và công bố hàng năm; diện tích được hỗ trợ là diện tích đang sử dụng thực tế nhưng không quá năm (05) lần hạn mức giao đất ở theo quy định.*

Đơn giá để tính bồi thường, hỗ trợ: được quy định tại điểm 1.4 khoản 1 mục V Phần III của Phương án này.” để giải quyết bồi thường, hỗ trợ cho ông H là phù hợp với quy định tại Điều 21 Nghị định 69/2009/NĐ-CP về “Quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư” ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

[3.3]. Về áp giá bồi thường:

Diện tích đất nông nghiệp của ông H bị thu hồi là 1.191 m², bao gồm: 1.044 m² đất ao và 147 m² đường đi và tài sản, vật kiến trúc trên đất đã được UBND Quận C thực hiện đúng theo Phương án số 77/PABT-HĐBT ngày 25/5/2011 và quy định của pháp luật.

[3.4]. Đối với việc ông H cho rằng UBND Quận C bồi thường chậm đối với phần đất 1.044 m² là không có cơ sở vì vào năm 2012, sau khi ban hành Quyết định công bố giá trị bồi thường cho hộ ông H, do ông H không đồng ý nhận tiền bồi thường nên UBND Quận C đã gửi tiền vào Ngân hàng là đúng quy định.

[3.5]. Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 11/12/2013 “Về việc giải quyết khiếu nại” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận C không chấp nhận việc ông H yêu cầu hỗ trợ đất xen cài khu dân cư trong cùng thửa đất có nhà ở là có căn cứ.

[3.6]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm cần sửa án sơ thẩm.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

Chấp nhận kháng cáo của UBND Quận C và Chủ tịch UBND Quận C.

[4]. Đối với phần tài sản, kiến trúc trên đất ông H đã rút yêu cầu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết là đúng pháp luật.

[5].Về án phí hành chính sơ thẩm: Do ông H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm cho ông H.

[6].Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[7].Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không có cơ sở nên không chấp nhận.

[8].Riêng khoản tiền 504.000.000 đồng công ty X hỗ trợ cho hộ ông H tại công văn số 739/HT1-QLDA ngày 23/5/2011 “V/v: Thống nhất mức hỗ trợ thêm để bồi thường đối với đất nông nghiệp trong dự án đầu tư xây dựng đường nối từ đường Nguyễn Duy Trinh vào khu CN Phú Hữu, Quận C” thì UBND thành phố T phải chi trả cho ông H theo đúng quy định.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ Điều 225, khoản 2 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính;

-Căn cứ Luật đất đai năm 2003;

-Căn cứ Nghị định 69/2009/NĐ-CP về “Quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư” ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

-Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện: UBND thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh ((Đơn vị kế thừa quyền, nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Sửa 1 phần Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2020/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị kế thừa nhiệm vụ, quyền hạn là Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh).

2.1.Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Ngọc H đối với yêu cầu hủy phần bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 1.044m² đất ao có vị trí mặt tiền đường 990, phường P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc một phần thửa 62 tờ bản đồ 22 (theo Tài liệu năm 2003) tại các Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 04/01/2012 của Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh “Về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư” và Quyết định số 277/QĐ-UBND ngày 11/12/2013 “Về việc giải quyết khiếu nại” của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận C Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Ngọc H về bồi thường phần tài sản là vật kiến trúc, bồi thường theo giá thị trường và hỗ trợ thiệt hại đầu tư cá nuôi, hỗ trợ tiền di dời đối với trụ điện, đồng hồ điện, đồng hồ nước.

3. Án phí hành chính sơ thẩm: Miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông H. Hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng mà ông H đã nộp theo biên lai thu tiền số AD/2011/04750 ngày 24/01/2014 của Chi cục thi hành án dân sự Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn trả cho Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2019/0047077 ngày 13/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- TAND thành phố T, TP.HCM;
- Cục Thi hành án Dân sự TP.HCM;
- Chi cục THADS thành phố T, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Bảo Nguyên